TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 4 năm 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thái Việt

2. Ông Đồng Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huynh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T- sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn Trung D, xã Vạn B, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn Q- sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn Trung D, xã Vạn B, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/7/2024, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/11/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ttrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tvà ông Lê Văn Qtự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001; đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 48 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21/5/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Ông Qcó quan hệ tình cảm bên ngoài; ông thường xuyên đánh đập bà T. Nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông Lê Văn Qvà yêu cầu ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung gồm Lê Văn Thủ - sinh ngày 26/9/2001, Lê Văn Đô - sinh ngày 26/11/2002, Lê Thùy An - sinh ngày 11/9/2010, Lê T An - sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Thùy An - sinh ngày 11/9/2010, Lê T An - sinh ngày 03/7/2007 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Qcấp dưỡng nuôi các con chung. Các con Lê Văn Thủ - sinh ngày 26/9/2001, Lê Văn Đô - sinh ngày 26/11/2002 đều trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

* Trong Qtrình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Lê Văn Qđến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong Qtrình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tyêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Văn Quá, trú tại: Thôn Trung Dõng 2, xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn ông Qđã được Tòa án nhân

dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn ông Lê Văn Qvắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của bà T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Tvà ông Lê Văn Qlà tự nguyện, ông bà đã đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21/5/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Qlà hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Tyêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Quá: Qtrình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Qđến Tòa để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng ông đều không có mặt, chứng tỏ ông Qkhông còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo bà T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, nhân sinh quan không hợp. Ông Qcó quan hệ tình cảm bên ngoài; ông thường xuyên đánh đập bà T. Nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông Lê Văn Qvà yêu cầu ly hôn. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Qđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm Lê Văn T - sinh ngày 26/9/2001, Lê Văn Đ - sinh ngày 26/11/2002, Lê Thùy A - sinh ngày 11/9/2010, Lê T A - sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Thùy A - sinh ngày 11/9/2010, Lê T A - sinh ngày 03/7/2007 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

[6] Bị đơn ông Lê Văn Qkhông có ý kiến thể hiện yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông. Bà Nguyễn Thị Ngọc Tyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên là Lê Thùy - sinh ngày 11/9/2010, Lê T A - sinh ngày 03/7/2007 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay, bà T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con; bà có đủ điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi thành niên nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên. Đồng thời, cháu Lê Thùy A, Lê T A đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Nên cần giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc Tđược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê Thùy A - sinh ngày 11/9/2010, Lê T An - sinh ngày 03/7/2007 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Yêu cầu của nguyên đơn

là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[7] Các con Lê Văn T - sinh ngày 26/9/2001, Lê Văn Đ - sinh ngày 26/11/2002 đều trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Bà T không yêu cầu ông Qcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Bị đơn ông Lê Văn Qmặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông.

[12] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc Tđược ly hôn với ông Lê Văn Q.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc Tđược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê Thùy A - sinh ngày 11/9/2010, Lê T A - sinh ngày 03/7/2007 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các con Lê Văn Thủ - sinh ngày 26/9/2001, Lê Văn Đô - sinh ngày 26/11/2002.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tkhông yêu cầu ông Lê Văn Qcấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn Qcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong Qtrình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông Qcó quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007163 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Ngọc Anh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình
(Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 21/05/2002);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.